

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 8 - 2023

V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Dân

2. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Hồng N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Nhà không số, hẻm Nước Ngọt, khóm 5, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Minh C, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 1/32, đường Lý B, khóm 2, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Phạm Hồng N và anh Huỳnh Minh C chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2014, trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị N trình bày là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã không sống chung với nhau từ tháng 4/2022 cho đến nay nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Đối với anh C thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian chung sống và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng về nguyên

nhân mâu thuẫn chị N trình bày không đúng, hiện chị N yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung, chị Phạm Hồng N và anh Huỳnh Minh C chung sống với nhau có hai người con chung là Phạm Bảo Long, sinh ngày 09/7/2016 và Phạm Bảo Khang, sinh ngày 20/01/2020. Hiện các con đang chung sống cùng với mẹ nhưng khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Riêng anh C yêu cầu được cháu Bảo Khang, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao cháu Bảo Long cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh C đồng ý giao cả hai người con cho chị N nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Phạm Hồng N và anh Huỳnh Minh C khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân, chị Phạm Hồng N và anh Huỳnh Minh C chung sống với nhau từ năm 2014 trên tinh thần tự nguyện đến nay, tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Mặc dù, chị N và anh C cùng thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhân nhưng do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung là Phạm Bảo Long, sinh ngày 09/7/2016 và Phạm Bảo Khang, sinh ngày 20/01/2020. Hiện các con đang sống cùng với chị N từ khi vợ chồng không sống chung với nhau cho đến nay đã ổn định về cuộc sống, cháu Bảo Long cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ và tại phiên tòa, chị N cùng anh C thỏa thuận thống nhất giao các con cho chị N nuôi, không cấp dưỡng nuôi con – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của các đương sự. Hơn nữa, việc thỏa thuận trên phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên giao các con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dù vậy, anh C là người không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Nếu trong thời gian trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con, chị N không đủ điều kiện nuôi con hoặc cản trở việc anh C thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con thì anh C có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Ngược lại, anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh C.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh C xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 15 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân, không công nhận chị Phạm Hồng N và anh Huỳnh Minh C là vợ chồng.

- Về con chung là Phạm Bảo Long, sinh ngày 09/7/2016 và Phạm Bảo Khang, sinh ngày 20/01/2020. Hiện các con đang sống cùng với chị Phạm Hồng N nên khi ly hôn, tiếp tục giao các con chung cho chị N nuôi dưỡng và không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Huỳnh Minh C có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Phạm Hồng N cùng anh Huỳnh Minh C khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Phạm Hồng N phải chịu số tiền là 300.000 đồng. Ngày 28/7/2023, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003799 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân